

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 201/2021/HNGĐ-ST  
Ngày 29-11-2021  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi  
ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đặng Hồ Điệp

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Vũ Thị Minh Nguyệt

Ông Phạm Mạnh Hùng

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thủy Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:*** Bà Đỗ Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án thụ lý số 191/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2020 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 180/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2021 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 2313/TB-TA ngày 29 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Trần Văn A, sinh năm 1984; nơi cư trú: Thôn TD, xã TT, huyện PC, tỉnh HY; vắng mặt;

- *Bị đơn:* Chị Vũ Thị B, sinh năm 1987; ĐKKHKT: Số 01/330 TL, phường VN, quận LC, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện tại: Dãy 28 Pvl (quầy) 60, đường M km 14, quận Kap, thành phố Mxv, Cộng hòa Liên Bang Nga; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện và các bản tự khai, nguyên đơn là anh Trần Văn A trình bày:*

Anh Trần Văn A và chị Vũ Thị B có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tổng Trân, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên vào ngày 22 tháng 3 năm 2009 và có tổ chức đám cưới theo nghi lễ truyền thống trước sự chứng kiến của hai bên gia đình, họ hàng, bạn bè. Sau khi kết hôn, anh A và chị B sang Liên Bang Nga làm việc, sinh sống và hạnh phúc được thời gian đầu. Đến đầu năm 2019, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn gay gắt. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong mọi vấn đề của cuộc sống. Do vậy, anh đã về Việt Nam và chưa có dự định quay lại Nga. Đến nay xác định không còn tình cảm, mâu thuẫn không thể hòa giải, mục đích hôn nhân không đạt được, anh A đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Vũ Thị B.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Trần Huệ Trinh, sinh ngày 10/02/2012. Ly hôn, anh A yêu cầu Tòa án giao con chung cho anh trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, anh Trần Văn A không yêu cầu chị Vũ Thị B cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Anh A và chị B không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Đối với kết quả ủy thác cho bị đơn chị Vũ Thị B:*

Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã tiến hành ủy thác tư pháp thông qua Bộ Tư pháp cho cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài để tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và nội dung câu hỏi yêu cầu chị Vũ Thị B trả lời để cung cấp thông tin cho Tòa án có căn cứ giải quyết vụ án. Ngày 19/01/2021, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng nhận được Công văn số 3071/CH-BTP ngày 21/12/2020 của Bộ Tư pháp về việc đã chuyển hồ sơ ủy thác tư pháp cho Bộ Tư pháp Liên Bang Nga để thực hiện việc ủy thác và gửi lại kết quả cho Bộ Tư pháp. Ngày 25 tháng 10 năm 2021, Tòa án nhận được văn bản trả lời số 2726/BTP-PLQT ngày 21 tháng 9 năm 2021 và những tài liệu kết quả tổng đạt kèm theo của Bộ Tư pháp với nội dung: Cơ quan có thẩm quyền của Bộ Tư pháp Liên Bang Nga không thực hiện được ủy thác tư pháp với lý do người được chỉ định không xuất hiện trong giấy triệu tập đến tòa. Sau đó, Tòa án đã có văn bản đề nghị đăng tải thông báo trên Cổng thông tin điện tử của Đại sứ quán Việt Nam tại Liên Bang Nga và Cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

*Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Anh Trần Văn A và chị Vũ Thị B kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tổng Trân, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên vào ngày 22 tháng 3 năm 2009 là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên xét thấy mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử: Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn A được ly hôn chị Vũ Thị B. Về con chung: Giao con chung là Trần Huệ Trinh, sinh ngày 10/02/2012 cho anh Trần Văn A trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con, anh Trần Văn A không yêu cầu chị Vũ Thị B cấp dưỡng nên không giải quyết. Về tài sản chung: Anh Trần Văn A khai anh và chị B không có tài sản chung, không yêu cầu nên không giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Bị đơn chị Vũ Thị B hiện đang sinh sống tại Liên Bang Nga, nguyên đơn anh Trần Văn A sinh sống tại Hải Phòng, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Trần Văn A vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn chị Vũ Thị B vắng mặt lần thứ hai không có lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và điểm b khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt chị Vũ Thị B.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn A kết hôn với chị Vũ Thị B và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tổng Trân, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên vào ngày 22 tháng 3 năm 2009 và có tổ chức đám cưới. Căn cứ Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Anh A trình bày: Sau khi kết hôn, anh A và chị B sinh sống tại Liên Bang Nga và hạnh phúc được thời gian đầu. Đến đầu năm 2019, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn gay gắt. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong mọi vấn đề của cuộc sống nên anh đã về Việt Nam và chưa có dự định quay lại Nga. Đến nay, anh A xác định không còn tình cảm với chị Vũ Thị B nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với chị Vũ Thị B. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn không thể hàn gắn, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, vợ chồng mỗi người một nơi. Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Trần Văn A.

[4] Về con chung: Anh A yêu cầu Tòa án giao con chung cho anh trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện nay, cháu Trần Huệ Trinh hiện nay đang sinh sống với bà

ngoại ở Việt Nam. Việc giao con chung phải được giao cho bố hoặc mẹ. Xét thấy chị Vũ Thị B hiện đang sinh sống tại Liên Bang Nga, không có đủ điều kiện địa lý để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con. Mặt khác, anh A cung cấp Hợp đồng lao động thể hiện việc anh có công việc và mức lương ổn định, đủ điều kiện chăm sóc con chung. Do vậy, việc anh A yêu cầu giao con chung cho anh nuôi là có căn cứ và phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, cần được chấp nhận. Về cấp dưỡng nuôi con, anh Trần Văn A không yêu cầu chị Vũ Thị B cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Anh A khai anh và chị Vũ Thị B không có tài sản chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và chi phí uỷ thác tư pháp: Anh Trần Văn A là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và lệ phí uỷ thác tư pháp.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153, điểm d khoản 1 Điều 469, khoản 3 Điều 474, điểm b khoản 5 Điều 477, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn A được ly hôn chị Vũ Thị B.

2. Về con chung: Giao con chung là Trần Huệ Trinh, sinh ngày 10/02/2012 cho anh Trần Văn A trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con, anh Trần Văn A không yêu cầu chị Vũ Thị B cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Anh A khai chị và chị Vũ Thị B không có tài sản chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và chi phí uỷ thác tư pháp:

Anh Trần Văn A phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0019092 ngày 26 tháng 10 năm 2020 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Anh Trần Văn A phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) chi phí ủy thác tư pháp nhưng được trừ vào số tiền 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tạm ứng chi phí ủy thác tư pháp đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0019093 ngày 26 tháng 10 năm 2020 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Anh Trần Văn A đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và chi phí ủy thác tư pháp.

#### 5. Về quyền kháng cáo:

Anh Trần Văn A (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

Chị Vũ Thị B (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Ủy ban nhân dân xã Tổng Trân, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Hồ Điệp**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Thị Minh Nguyệt - Phạm Mạnh Hùng**

**Đặng Hồ Điệp**

***Nơi nhận:***

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TP Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

